

## **Các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng kế toán quản trị trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

□ TS. Hà Phước Vũ\*

\*Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

### **Tóm tắt**

*Trong giai đoạn cạnh tranh khốc liệt của nền kinh tế hiện nay, thông tin thích hợp hỗ trợ cho nhà quản trị trong quá trình ra quyết định là rất cần thiết. Việc áp dụng kế toán quản trị (KTQT) trong các doanh nghiệp (DN) có thể giúp nhà quản trị/chủ DN trong việc tiếp cận với thông tin thích hợp một cách kịp thời, đáp ứng tốt nhu cầu thông tin phục vụ cho quá trình ra quyết định. Với đặc trưng của các DN vừa và nhỏ, việc vận dụng KTQT còn nhiều hạn chế. Trước bối cảnh đó, với mục tiêu phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến việc vận dụng KTQT trong các DN vừa và nhỏ, nghiên cứu đã chỉ ra rằng nhận thức về KTQT của người quản lý/chủ DN và chi phí áp dụng KTQT có ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQT tại Việt Nam.*

**Từ khóa:** vận dụng kế toán quản trị; DN vừa và nhỏ; kế toán quản trị.

### **Abstract**

*In today's fiercely competitive economy, the role of relevant information for managers during the decision-making process gets more important. The management accounting practices in enterprises can help managers in accessing relevant information for decision purposes. Due to the characteristics of small and medium-sized enterprises, the practices of management accounting are still limited. Against that background, with the goal of analyzing the influences of factors on the management accounting practices in small and medium-sized enterprises, the study concludes that the perception of the firm's managers about management accounting and the cost of applying management accounting have affects on the practice of management accounting in Vietnam.*

**Keyword:** management accounting practices; small and medium-sized enterprises; management accounting.

**JEL:** M00, M13, M40, M49.

### **1. Giới thiệu**

Với làn sóng Cách mạng Công nghiệp 4.0 như hiện nay, sự thành công của một DN không chỉ phụ thuộc vào quy mô công nghệ mà còn phụ thuộc rất nhiều vào quyết định quản trị. Trên thực tế, những quyết định của các nhà quản trị thường được dựa trên nguồn thông tin từ KTQT. Nguồn thông tin KTQT hỗ trợ nhà quản trị trong việc cung cấp các thông tin hữu ích, các thông tin có chất lượng phục vụ cho quá trình kiểm soát hoạt động, sử dụng nguồn lực tối ưu và giúp nhà quản trị trong việc hoạch định, kiểm soát và ra quyết định quản trị, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của DN.

Ở Việt Nam, trong bối cảnh nền kinh tế cạnh tranh ngày càng phức tạp, vai trò của kế toán nói chung càng được nâng cao. Nếu kế toán tài chính là đơn vị cung cấp thông tin cho các đối tượng bên ngoài DN, thì KTQT với chức năng cung cấp thông tin cho các đối tượng bên trong DN trước khi đưa ra các quyết định để điều hành, quản lý DN cũng được chú trọng nhiều hơn. Tuy nhiên, KTQT vẫn chưa được vận dụng nhiều vào hoạt động kinh doanh của DN, nhất là trong các DN vừa và nhỏ. Gần đây, các DN đã dần chú ý đến việc thực hiện công tác KTQT trong DN nhưng chỉ dừng lại ở giai đoạn lập kế hoạch và

kiểm soát chi phí. Việc vận dụng KTQT (MAPs) vào trong DN, sẽ mang lại nhiều lợi ích, giúp các nhà quản trị có thêm thông tin cho việc ra quyết định của mình. Nhưng việc thực hiện công tác KTQT tại các DN ở Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa (SMEs) nói riêng, còn phải chịu tác động bởi nhiều nhân tố bên trong và bên ngoài DN.

Hầu hết các DN tại thành phố Đà Nẵng, là các SMEs (theo Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố Đà Nẵng, DN SMEs chiếm 96% tổng số DN đăng ký). Hiện nay, MAPs cho các DN này chưa cao, vì trong quan niệm kế toán thông thường, KTQT được cho là cần thiết và phù hợp với các DN có quy mô lớn, Nguyễn Ngọc Vũ, (2017). Với SMEs thì hoạt động không quá phức tạp và không có khả năng ảnh hưởng đến xu hướng của thị trường cũng như đối thủ cạnh tranh, thì đây là lý do để các DN nhỏ và vừa chưa thực sự quan tâm đến MAPs trong DN của mình. Thêm vào đó, hiện nay chưa có nghiên cứu nào liên quan trong lĩnh vực này trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, đặc biệt là tập trung vào các DN SMEs. Vì vậy, việc tìm ra các nhân tố ảnh hưởng và đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến việc thực hiện công tác KTQT tại các DN này là thực sự cần thiết.

## **2. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQT trong SMEs**

### **2.1. Quy mô DN**

Quy mô DN là một nhân tố quan trọng, được cho là có sự tác động đến cả cấu trúc lẫn sự sắp xếp về mặt kiểm soát trong DN. DN có quy mô lớn thì MAPs tốt hơn, không chỉ riêng công trình nghiên cứu trong nước. Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài cũng cho rằng, quy mô DN là một trong các nhân tố ảnh hưởng đến áp dụng KTQT trong các DN. Cụ thể, Kamilah Amah, (2012), đã nghiên cứu 110 công ty ở Malaysia, trong lĩnh vực sản xuất. Cho ta thấy, quy mô của tổ chức có tác động đáng kể đến việc áp dụng KTQT, vì công ty lớn hơn có nguồn lực lớn hơn, tạo điều kiện cho việc áp dụng KTQT. DN có quy mô lớn yêu cầu chất lượng thông tin cung cấp cho các bộ phận phải chính xác, nhanh chóng và kịp thời. Ngoài ra, các DN càng lớn thì hoạt động sản xuất, vận hành càng phức tạp, có thể phải đối mặt với nhiều vấn đề khó khăn hơn. Vì vậy, DN cần kiểm soát nhiều hơn về hoạt động kinh doanh. Điều này cho thấy, thông tin từ KTQT là vô cùng hữu ích cho DN trong nhiều hoạt động kinh doanh khác nhau.

### **2.2. Mức độ cạnh tranh**

Mức độ cạnh tranh về thị trường của các DN SMEs tương thích với mức độ khả thi của MAPs, theo hướng là mức độ của các hành động cạnh tranh của các đối thủ, mức độ cạnh tranh về thị phần/doanh thu.

Cạnh tranh đóng vai trò quan trọng là một trong những động lực thúc đẩy sản xuất phát triển. Lợi ích của cạnh tranh được thể hiện cụ thể ở hai khía cạnh là khía cạnh lợi ích xã hội và khía cạnh lợi ích DN: về khía cạnh lợi ích xã hội, cạnh tranh là một hình thức mà Nhà nước sử dụng để chống độc quyền, tạo cơ hội để người tiêu dùng có thể lựa chọn được những sản phẩm có chất lượng tốt, giá cả phù hợp. Vì vậy, cạnh tranh là để bảo vệ lợi ích người tiêu dùng; về khía cạnh lợi ích DN, cạnh tranh là điều kiện thuận lợi để mỗi DN tự khẳng định vị trí của mình trên thị trường, tự hoàn thiện bản thân để vươn lên chiếm ưu thế so với các đối thủ cạnh tranh khác.

Trước đây, cạnh tranh được coi là cá lớn nuốt cá bé, do đó không được khuyến khích. Nhưng hiện nay, cạnh tranh được nhìn nhận theo hướng tích cực và tác dụng của nó được thể hiện rõ ở việc phá sản của một số DN kinh doanh kém hiệu quả và sự phát triển vượt

bậc của các DN khác, biết sử dụng hiệu quả các nhân tố trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Một DN hoạt động trong ngành có mức độ cạnh tranh gay gắt thường gặp nhiều khó khăn hơn, trong ngành có mức độ cạnh tranh thấp. Vì vậy, để tồn tại và phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh của mình, đòi hỏi các DN phải từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh của chính DN. Đồng thời, nắm bắt được thông tin về các đối thủ cạnh tranh, để từ đó có chiến lược kinh doanh hợp lý và phù hợp với tính chất ngành nghề DN đang hoạt động. Để làm được các điều trên, đòi hỏi DN phải có nguồn thông tin đáng tin cậy, nhanh chóng và chính xác. KTQT sẽ là nguồn cung cấp thông tin tốt nhất cho DN, về tình hình hoạt động cũng như các thông tin từ kế toán tài chính. Do đó, cạnh tranh cũng sẽ là nhân tố tác động đến MAPs trong DN.

### **2.3. Nhận thức của người quản lý/chủ DN về KTQT**

Nhận thức và kinh nghiệm về KTQT của chủ sở hữu, người quản lý DN tại các DN SMEs là một nhân tố quan trọng trong MAPs. Việc thiếu kiến thức đầy đủ về các công cụ KTQT, sẽ làm giảm đáng kể hiệu quả của MAPs.

Hiện nay, đa số các chủ DN có quy mô vừa và nhỏ đều cho rằng, MAPs vào trong DN là điều chưa thực sự cần thiết, mối quan tâm của họ chủ yếu là làm sao để công ty được tồn tại phát triển và thu được lợi nhuận; mặt khác, chi phí để xây dựng bộ máy KTQT thường khá cao, việc bỏ ra một khoản chi phí không hề nhỏ cũng khiến cho các chủ DN do dự.

Trong xu hướng hội nhập hiện nay, nếu các DN của Việt Nam không áp dụng KTQT thì sẽ thiếu định hướng trong tương lai, có thể dẫn đến quyết định sai lệch. Vì vậy, chủ DN cần nhận thức được tầm quan trọng của KTQT, là người đi tiên phong về vai trò, nội dung của KTQT, là người chèo lái dẫn dắt các bộ phận trong DN áp dụng KTQT. Do đó, nhân tố nhận thức của chủ DN về KTQT là một trong các nhân tố tác động đến việc áp dụng KTQT.

### **2.4. Chi phí cho việc tổ chức KTQT**

Chi phí thường là mối quan tâm hàng đầu của chủ DN. Việc tính toán, kiểm soát chi phí, giúp DN kiểm soát ngân quỹ và tính giá thành sản phẩm hoặc dịch vụ. Đặc biệt, đối với những DN có quy mô nhỏ và vừa thì vấn đề kiểm soát chi phí là việc làm tất yếu. Việc đầu tư chi phí để tổ chức hệ thống KTQT riêng biệt là vấn đề đáng quan tâm và cần phải xem xét, tính toán và tổ chức hệ thống KTQT tốt thì sẽ không làm lãng phí ngân quỹ.

### **2.5. Hệ thống công nghệ thông tin (CNTT)**

Hiện nay, việc vận dụng CNTT trong hệ thống quản lý là một trong những giải pháp được nhiều DN ưu tiên lựa chọn, nhằm cải tiến quy trình đặc biệt giảm thiểu thời gian tạo lập thông tin, các thông tin được cung cấp đáng tin cậy, nhanh chóng, nhằm đáp ứng được nhu cầu sử dụng thông tin bên trong và bên ngoài DN.

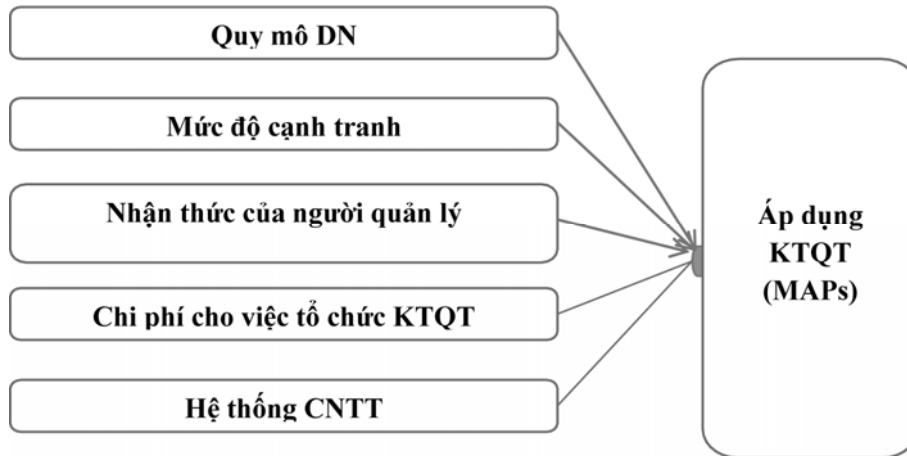
Việc vận dụng CNTT trong quản lý DN là xu hướng tất yếu đối với mọi DN, nhất là trong điều kiện mức độ cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt. Một DN muốn tạo được lợi thế cạnh tranh, thu hút được khách hàng, cần phải tận dụng được các sản phẩm của CNTT mang lại, trong các quá trình kinh doanh của DN. Có thể vận dụng CNTT trong các hoạt động sản xuất, điều này giúp các DN sản xuất có thể kiểm đếm số lượng sản phẩm một cách nhanh chóng, chính xác. Hoặc vận dụng CNTT trong các công ty thương mại, dịch vụ, việc này giúp chủ DN có thể quản lý doanh số định kỳ theo nhu cầu thông tin, giúp cải thiện được thời gian cho nhân viên kế toán.

## **3. Phương pháp nghiên cứu**

### **3.1. Mô hình nghiên cứu**

Từ các lý thuyết nền, các nghiên cứu trước và giả thuyết đưa ra tác giả sử dụng mô hình đã được nghiên cứu trước đây, để tiến hành kiểm định các nhân tố tác động đến việc thực hiện công tác KTQT tại thành phố Đà Nẵng. Đồng thời, tiến hành kiểm định lại các nhân tố bằng phương pháp định lượng. Do đó, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu gồm 06 nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện công tác KTQT, trong các DN SMEs tại thành phố Đà Nẵng, gồm: Quy mô DN; Mức độ cạnh tranh; Nhận thức của người quản lý/chủ DN; Chi phí cho việc tổ chức KTQT; Hệ thống CNTT; Trình độ của nhân viên kế toán.

**Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất**



### 3.2. Giả thuyết nghiên cứu

#### *Quy mô DN*

Thực tế cho thấy, các DN nhỏ và siêu nhỏ thì MAPs rất thấp hoặc nếu có vận dụng thì cũng xoay quanh các công cụ truyền thống, đơn giản. Các DN vừa thì tỷ lệ MAPs tăng hơn so với các DN nhỏ và siêu nhỏ. Vì vậy, nếu DN càng lớn mạnh về mặt quy mô như doanh thu cao, số lượng nhân viên nhiều, cấu trúc bộ máy DN lớn thì nhu cầu cần các công cụ kỹ thuật hỗ trợ quản lý phức tạp hơn nhiều, có được các thông tin hỗ trợ trong quá trình ra quyết định.

Quy mô DN trong nghiên cứu này được đánh giá dựa trên hai tiêu chí là vốn đăng ký kinh doanh và số lượng lao động. Do đó, giả thuyết được đưa ra:

=> H1: Quy mô DN càng lớn thì việc vận dụng KTQT vào DN càng cao.

#### *Mức độ cạnh tranh*

Mức độ cạnh tranh càng cao, đòi hỏi DN cần một lượng lớn thông tin phục vụ cho quá trình ra quyết định. Hoạt động kinh doanh càng phức tạp thì KTQT càng trở nên cần thiết cho DN trong việc tạo ra lợi thế cạnh tranh. Giả thuyết được đưa ra:

=> H2: Mức độ cạnh tranh càng lớn thì việc vận dụng KTQT vào DN càng cao.

#### *Nhận thức của người quản lý/chủ DN*

Do đặc trưng của DN SMEs, việc vận dụng KTQT vẫn chưa được chú trọng. Việc tổ chức thông tin KTQT, chủ yếu dựa vào nhận thức và nhu cầu thông tin của nhà quản trị DN. Vì vậy, việc vận dụng KTQT cũng sẽ khó thành công hoặc gặp khó khăn, nếu người quản lý/chủ DN không biết về lợi ích do việc vận dụng các công cụ kỹ thuật KTQT mang lại. Thực tế cho thấy, các DN SMEs thì việc vận dụng KTQT rất thấp có hoạt động tốt hay không, một phần là do chủ DN có định hướng phát triển trong tương lai như thế nào. Để đạt được các mục tiêu trung và dài hạn chủ DN, cần nắm bắt về tình hình kinh tế

trong tương lai và có nhận thức, tầm nhìn để có thể điều dắt DN mình có hướng đi đúng đắn. Vì vậy, việc áp dụng KTQT sớm là phương án tối ưu, để giảm thiểu những bất trắc trong kinh doanh trong đơn vị mình. Do đó, giả thuyết được đưa ra:

=> H3: DN có người quản lý/ chủ DN có nhận thức và hiểu biết về KTQT thì việc vận dụng KTQT vào DN càng cao.

#### *Chi phí cho việc tổ chức KTQT*

Các DN vừa và nhỏ thường ngần ngại và nói không với yếu tố chi phí tổ chức KTQT. Vì nếu đầu tư một bộ phận KTQT riêng biệt thì sẽ tiêu tốn nhân lực và tài nguyên, tốn kém về máy móc, trang thiết bị. Do đó, giả thuyết được đưa ra:

=> H4: Chi phí cho việc tổ chức hệ thống KTQT càng cao thì việc vận dụng KTQT vào DN càng thành công.

#### *Hệ thống CNTT*

Hệ thống CNTT được sử dụng trong DN được xem là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng MAPs vào DN, vì nó tiết kiệm thời gian, các thông tin mà nó cung cấp ít sai sót hơn các thông tin được xử lý thủ công. Do đó, giả thuyết được đưa ra:

=> H5: DN có hệ thống CNTT càng hiện đại thì việc vận dụng KTQT vào DN càng thành công.

### **3.3. Thang đo**

Thang đo được sử dụng trong nghiên cứu, dựa vào các nghiên cứu đã có trong và ngoài nước. Đồng thời, các thang đo được điều chỉnh phù hợp với đặc điểm thực trạng các DN SMEs trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Thang đo các nhân tố trong mô hình gồm: Quy mô DN (5 biến quan sát); Mức độ cạnh tranh (4 biến quan sát); Nhận thức của người quản lý/chủ DN (4 biến quan sát); Hệ thống CNTT (3 biến quan sát); Vận dụng KTQT (4 biến quan sát).

## **4. Kết quả nghiên cứu**

### **4.1. Dữ liệu**

Để thu thập dữ liệu nghiên cứu, bản câu hỏi được chuyển đến cho các DN vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng qua email, dưới hình thức link khảo sát trực tuyến. Qua quá trình điều tra khảo sát, nghiên cứu thu thập được 248 phúc đáp hợp lệ và có thể sử dụng trong quá trình phân tích dữ liệu.

### **4.2. Thống kê mô tả**

Bảng 1 dưới đây, trình bày thống kê mô tả của dữ liệu nghiên cứu. Trong tổng số 248 quan sát của mẫu, phần lớn là SMEs trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, phần lớn DN có số lượng lao động dưới 50 người. Phần lớn các SMEs tham gia khảo sát, có vốn đăng ký kinh doanh dưới 20 tỷ đồng.

**Bảng 1: Thống kê mô tả**

<b>Thông tin</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>Lĩnh vực hoạt động</b>	0	0
Nông lâm nghiệp và thủy sản	29	11.7
Công nghiệp và xây dựng	219	88.3
Thương mại và dịch vụ	248	100
<b>Số lượng người lao động</b>	89	35.9
Ít hơn hoặc bằng 10 người	92	37.1
Từ trên 10 người đến 50 người	45	18.1
Từ 50 người đến 100 người	22	8.9
Từ trên 100 người đến 200 người	0	0
Trên 300 người	248	100
<b>Thời gian hoạt động</b>	20	8.1
Mới thành lập	64	25.8
Từ 1 năm < 3 năm	56	22.6
Từ 3 năm < 5 năm	21	8.4
Từ 5 năm <10 năm	87	35.1
Trên 10 năm	248	100
<b>Vốn đăng ký kinh doanh</b>	103	41.5
Ít hơn hoặc bằng 10 tỷ VND	124	50.0
Từ trên 10 tỷ đến 20 tỷ VND	21	8.5
Từ trên 20 tỷ đến 50 tỷ VND	0	0
Từ trên 50 tỷ đến 100 tỷ VND	0	0
Trên 100 tỷ VND	248	100
Tổng số		

#### 4.3. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Qua phân tích độ tin cậy của thang đo qua chỉ số Cronbach's alpha, có thể thấy rằng hệ số Cronbach's alpha của tất cả các biến đều ở mức cao và có xu hướng giảm đi, nếu loại đi bất cứ biến quan sát nào trong từng biến. Do đó, kết quả phân tích tại Bảng 2 cho thấy, thang đo của các biến đảm bảo tính tin cậy để tiến hành phân tích.

**Bảng 2: Kiểm định độ tin cậy của thang đo**

Mã biến quan sát	Cronbach's alpha	Cronbach's alpha nếu loại biến
QM1	0.621	0.535
QM2		0.542
QM3		0.510
CT1	0.829	0.751
CT2		0.780
CT3		0.791
CT4		0.741
NT1	0.742	0.708
NT2		0.612
NT3		0.724
NT4		0.701
CP1	0.668	0.655
CP2		0.525
CP3		0.469
CNTT1	0.681	0.602
CNTT2		0.472
CNTT3		0.722
AD1	0.768	0.658
AD2		0.575
AD3		0.739
AD4		0.686

#### 4.4. Phân tích nhân tố khám phá

Sau khi phân tích độ tin cậy của thang đo, nhằm nghiên cứu mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến việc thực hiện công tác KTQT, trong các DN SMEs trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Tác giả sử dụng phương pháp hồi quy tuyến tính, để đánh giá. Trong đó, nhân tố Việc thực hiện công tác KTQT là biến phụ thuộc và các nhân tố Quy mô DN; Mức độ cạnh tranh; Nhận thức của người quản lý/chủ DN; Chi phí cho việc thực hiện công tác KTQT; Hệ thống CNTT là biến độc lập. Mô hình này sẽ mô tả hình thức của mối liên hệ, qua đó giúp tác giả dự đoán được mức độ vận dụng KTQT trong các DN SMEs tại thành phố Đà Nẵng, khi biết trước giá trị của các nhân tố tác động. Để đạt được kết quả đó, tác

giả tiến hành phân tích nhân tố khám phá, để xác định các nhân tố sử dụng trong phân tích hồi quy tuyến tính, theo Bảng 3.

**Bảng 3: Phân tích nhân tố khám phá**

	Thành phần				
	1	2	3	4	5
CT4	.812				
CT1	.821				
CT2	.781				
CT3	.681				
NT2		.765			
NT4		.751			
NT1		.752			
NT3		.721			
CP1			.732		
CP2			.736		
CP3			.721		
CNTT2				.841	
CNTT1				.743	
CNTT3				.728	
QM2					.781
QM1					.760
QM3					.721
<b>Eigenvalues</b>	3.592	2.565	1.831	1.590	1.360
<b>Cumulative %</b>	21.10	36.11	46.82	56.21	64.12

#### 4.5. Kết quả phân tích hồi quy

Dựa vào kết quả trong bảng trọng số hồi quy, Bảng 4, ta thấy chỉ có 02 nhân tố có mức ý nghĩa Sig. < 0.05, đó là nhân tố Nhận thức và Sự am hiểu KTQT của người quản lý/chủ DN” với Sig = 0; nhân tố Chi phí cho việc thực hiện công tác KTQT với sig = 0.011. Do đó, 02 biến độc lập này, đều có ý nghĩa giải thích cho biến phụ thuộc.

**Bảng 4: Phân tích hồi quy**

Mô hình	B	e	p-value	VIF
(Constant)	0.131	0.260	0.621	
QM	0.008	0.031	0.826	1.076
CT	0.020	0.028	0.520	1.231
NT	0.826	0.037	0.000	1.140
CP	0.091	0.030	0.014	1.141
CNTT	0.059	0.034	0.099	1.062

Qua kết quả phân tích đã trình bày cho thấy, mô hình nghiên cứu việc thực hiện công tác KTQT trong các DN SMEs trên địa bàn thành phố Đà Nẵng chịu sự ảnh hưởng của 02 nhân tố đó là: nhận thức và sự am hiểu của người quản lý/chủ DN; chi phí thực hiện công tác KTQT. Cả 02 nhân tố này, đều có tác động thuận chiều lên việc thực hiện công tác KTQT.

#### 5. Kết luận

Mục tiêu của nghiên cứu, tác giả đề ra là xác định các nhân tố ảnh hưởng đến MAPs tại các DN SMEs trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và đánh giá được mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến việc thực hiện công tác KTQT, tại các DN SMEs trên địa bàn thành phố



Đà Nẵng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhận thức của chủ DN và chi phí thực hiện công tác KTQT có ảnh hưởng đến MAPs, của các SMEs trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Nhận thức về KTQT của người quản lý/chủ DN, có ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQT. Các nhà quản trị cần phải hiểu được KTQT đóng vai trò quan trọng trong quá trình ra quyết định như thế nào. Hiểu được bản chất và vai trò của KTQT trong tiến trình ra quyết định, có thể thúc đẩy quá trình vận dụng KTQT trong các SMEs. Kết quả khảo sát của nghiên cứu chỉ ra rằng, tổ chức KTQT với chi phí hợp lý là nhân tố có tác động đến việc thực hiện công tác KTQT tại các DN SMEs. Đối với SMEs, việc tổ chức KTQT cần phải cân nhắc giữa chi phí và lợi ích mang lại, để tránh lãng phí nguồn lực của DN. □

#### *Tài liệu tham khảo*

- 1. Nguyễn Ngọc Vũ, (2017), “Các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng KTQT trong các DN nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực phi tài chính ở Thành phố Hồ Chí Minh”, Luận văn Thạc sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.*
- 2. Nguyễn Tiến Nhân, (2019), “Các nhân tố tác động đến việc áp dụng KTQT trong các DN ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang”, Tạp chí Công thương.*
- 3. Nguyễn Thị Ngọc Bích, Thái Thị Hoài Thương, (2022), “Nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQT trong DN nhỏ và vừa tại Đồng Nai”, Tạp chí Tài chính.*
- 4. Nguyễn Vũ Thanh Giang, (2017), “Các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQT trong DN tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.*
- 5. Thái Anh Tuấn, (2018), “Một số nhân tố ảnh hưởng đến áp dụng KTQT trong các DN”, Tạp chí Tài chính.*
- 6. Trần Thị Yến, (2017), “Nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQT trong các DN tại tỉnh Bình Định”, Tạp chí Công thương.*
- 7. Ahmad, K., (2012), The use of management accounting practices in Malaysian SMEs. Doctor thesis, University of Exeter.*